

BÁO CÁO

Sơ kết công tác tháng 3, quý I và kế hoạch công tác tháng 4, quý II năm 2018

Tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản trong tháng và quý I có những thuận lợi như độ mặn ít biến động và thấp hơn cùng kỳ, nước ngọt dự trữ trong nội đồng giao động từ 0,5m đến 1,27m bước đầu đảm bảo phục vụ sản xuất; năng suất một số cây trồng chính như lúa, bắp, rau các loại và sản lượng tôm nuôi cao hơn cùng kỳ; các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục được kiểm soát; các công tác chuyên môn thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, cũng có một số khó khăn như thời tiết lạnh ảnh hưởng đến sự phát triển của tôm nuôi; giá heo hơi, dừa khô, mía nguyên liệu và một số loại hoa màu xuống thấp ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của ngành

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2018 (giá so sánh 2010) ước đạt 4.707 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010) đạt 19% kế hoạch, tăng 0,5% so cùng kỳ, trong đó:

- Nông nghiệp: 3.527 tỷ đồng, đạt 20,3% KH, tăng 0,33%.
- Lâm nghiệp: 63 tỷ đồng, đạt 26,25% KH, tăng 0,87%.
- Thủy sản: 1.117 tỷ đồng, đạt 15,3% kế hoạch, tăng 1%.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt

Diện tích gieo trồng cây hàng năm trong tháng 6.539 ha, nâng tổng số được 89.690 ha, đạt 32,97% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 5.123 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Đã gieo sạ được 68.115 ha, đạt 31,44% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 4.326 ha. Sản lượng thu hoạch 90.290 tấn, đạt 24,4% kế hoạch, giảm 72.626 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

+ Vụ Mùa: Trong tháng thu hoạch 467 ha, đến nay đã thu hoạch dứt điểm 1.697 ha, năng suất trung bình 4,33 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,19 tấn/ha), sản lượng 7.353 tấn, thấp hơn cùng kỳ 3.352 tấn.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống dứt điểm 66.418 ha, vượt 10,7% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 6.502 ha); đã thu hoạch được 14.232 ha (thấp hơn cùng kỳ 14.429 ha), năng suất trung bình 5,83 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,3 tấn/ha), sản lượng 82.937 tấn.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 6.506 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 21.576 ha tăng 797 ha so cùng kỳ, đạt 38,95% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 2.637 ha, màu thực phẩm 11.147 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 7.792 ha. Công ty TNHH hạt giống Vạn Phát đầu tư giống ớt và bao tiêu sản phẩm, diện tích 45 ha, đã thu mua được 7,27 tấn.

* **Tình hình thu hoạch và tiêu thụ mía:** Đã thu hoạch mua được 2.342 ha, đạt 45,5% diện tích, tương đương khoảng 234.200 tấn. Do Nhà máy đường nâng cấp, sửa chữa, đi vào hoạt động trễ hơn so với cùng kỳ và hoạt động không ổn định, thêm vào đó đầu vụ có ít nhân công thu hoạch mía nên thu mua chậm dần đến khả năng giảm năng suất. Giá thu mua của nhà máy là 900 đồng/kg mía 10CCS, nhưng sản lượng thu hoạch lớn hơn nhu cầu thu mua của Nhà máy nên mía nguyên liệu còn tồn đọng nhiều. Với công suất hoạt động 2.500 tấn/ngày, dự kiến đến hết tháng 6/2018 mới thu mua hết diện tích mía còn lại.

- Cây lâu năm: Cây ăn trái có 14.765 ha đang cho trái, sản lượng thu hoạch 85.200 tấn, tương đương cùng kỳ; cây dứa 21.495 ha, sản lượng 77.175 tấn, tăng 13.453 tấn so cùng kỳ.

Tổ chức vận động ra quân phòng trừ chuột được 19 cuộc với 569 nông dân tham gia; phối hợp Tập đoàn Lộc Trời tổ chức 01 cuộc thăm đồng với 20 nông dân dự; nhân nuôi 52.400 ong ký sinh và 1.750 bọ đuôi kim, lũy kể đến nay nhân nuôi 3.330 ong ký sinh và 4.350 bọ đuôi kim, phóng thích ra tự nhiên để quản lý bọ cánh cứng hại dứa; theo dõi 03 mô hình công nghệ sinh thái vào vệ môi trường, diện tích 120 ha.

b) Chăn nuôi, thú y

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do giá cả không ổn định và ở mức thấp, thị trường tiêu thụ bấp bênh. Ước tổng đàn vật nuôi như sau: Đàn heo 315.200 con (giảm 57.512 con so cùng kỳ); đàn trâu, bò 209.098 con (tăng 7.126 con), đàn gia cầm 4,59 triệu con (tăng 183 ngàn con), sản lượng thịt hơi các loại khoảng 23 ngàn tấn (đạt khoảng 29% kế hoạch), trứng các loại đạt khoảng 31 triệu quả.

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Heo 50.951 con, trâu, bò 1.627 con, gia cầm 210.752 con, sản phẩm động vật 61.472 kg. Nâng đến nay kiểm dịch được 109.219 con heo, trâu - bò 3.007 con, gia cầm 522.170 con và 146,8 tấn sản phẩm động vật.

Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cúm gia cầm được 250.843 con, bệnh LMLM gia súc 1.865 con, dại chó, mèo 392 con; tiêm vaccine phòng các bệnh thường xuyên cho 38.504 con gia súc; các loại vaccine khác 116.803 con. Nâng tổng số đến nay, tiêm phòng cúm được 391.613 gia cầm (giảm 166.732 con so cùng kỳ); bệnh LMLM gia súc 3.353 con (giảm 6.605 con so cùng kỳ); dại chó, mèo 920 con (tăng 552 con so cùng kỳ); tiêm vaccine phòng các bệnh thường xuyên cho 115.353 con gia súc (giảm 56.677 con so cùng kỳ); các loại vaccine khác 404.350 con (tăng 276.807 con so cùng kỳ). Xây dựng kế hoạch triển khai tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng đợt 1 (từ ngày 05/3/2018-10/4/2018).

c) Lâm nghiệp

Công tác lâm sinh: Chuẩn bị hồ sơ đầu thầu cung cấp 50.000 cây phân tán thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển rừng phòng hộ giai đoạn 2014-2018; triển khai công tác chăm sóc, bảo vệ rừng trồng năm thứ 1, thứ 2, thứ 3 thứ 4.

Công tác kiểm lâm: Trong tháng tổ chức 82 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 01 trường hợp phá rừng trái phép thiệt hại 300m² tại ấp Cồn Cò, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, đã tiến hành xử lý theo quy định; cấp 01 giấy phép xuất bán động vật hoang dã. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 215 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 03 trường hợp vi phạm xử lý đúng quy định pháp luật; cấp 11 giấy phép xuất bán động vật hoang dã.

Thực hiện vệ sinh phòng cháy chữa cháy rừng được 167ha, đạt 66,4% kế hoạch. Vận động 58 hộ dân sống tiếp giáp với rừng ký cam kết sử dụng lửa an toàn

Tổng hợp ý kiến đóng góp của Sở, Ban ngành về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng tại ấp vàm Bến Tranh xã Định An, huyện Trà Cú; tiếp tục khảo sát địa bàn trồng rừng và hoàn chỉnh lại Dự án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công Luồng tàu biển có Trọng tải lớn vào sông Hậu; xây dựng bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật một số loài cây trồng rừng phòng hộ.

d) Thủy sản: Sản lượng thủy sản thu hoạch trong tháng đạt 10.617 tấn. Nâng tổng số đến nay đạt 30.916 tấn (đạt 15,34% kế hoạch), tăng 820 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 3.671 ha, thu hoạch 5.630 tấn (1.557 tấn cá lóc, 416 tấn tôm sú, 1.674 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đến nay thả nuôi 12.648 ha, thu hoạch 14.451 tấn (5.089 tấn cá lóc, 974 tấn tôm sú, 3.731 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 11,4% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 647 tấn, trong đó:

- Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 218 triệu con tôm sú giống, diện tích 2.912 ha; 396 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 667 ha; 3,9 triệu con cua biển, diện tích 03 ha; thu hoạch 2.282 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 584 triệu con tôm sú giống, diện tích 10.700 ha; 890 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 1.465 ha; 87 triệu con cua biển, diện tích 198 ha; thu hoạch 5.287 tấn (cao hơn cùng kỳ 1.426 tấn).

- Vùng nước ngọt: Thả nuôi 10,5 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 88,5 ha (cá lóc 6,9 triệu con, diện tích 13 ha, cá tra 1,3 triệu con, diện tích 2,8 ha), thu hoạch 3.348 tấn. Nâng tổng số thả nuôi 29,8 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 284 ha (cá lóc 21,2 triệu con, diện tích 47 ha, cá tra 1,44 triệu con, diện tích 04 ha); thu hoạch 9.164 tấn, đạt 12,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 2.073 tấn.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh: Phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh. Kiểm dịch 2,1 triệu con tôm sú giống, 161 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 06 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản. Nâng đến nay đã kiểm dịch 32,7 triệu con tôm sú giống, 355 triệu con tôm thẻ chân trắng, thực hiện 25 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu 26 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích phục vụ nuôi thủy sản (14 mẫu nhiễm đốm trắng).

Khai thác thủy sản: 4.987 tấn (779 tấn tôm). Nâng tổng số đạt 16.466 tấn

(3.015 tấn tôm), đạt 22% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.385 tấn, trong đó:

- Khai thác nội đồng: 639 tấn (185 tấn tôm). Nâng tổng số đạt 2.504 tấn (997 tấn tôm), đạt 21,6% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 184 tấn.

- Khai thác hải sản: 4.348 tấn (594 tấn tôm). Nâng tổng số đạt 13.962 tấn (2.018 tấn tôm), đạt 22% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.207 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.485 tấn thủy sản (tôm sú 77 tấn, tôm thẻ 770 tấn), chế biến 950 tấn, tiêu thụ 630 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 5,06 triệu USD. Nâng tổng sản lượng các doanh nghiệp thu mua 2.290 tấn thủy sản (tôm sú 197 tấn, tôm thẻ 1.321 tấn), chế biến 1.433 tấn, tiêu thụ 1.047 tấn, kim ngạch xuất khẩu 9,2 triệu USD.

e) Diêm nghiệp: Có 102 hộ tham gia sản xuất, diện tích 72,3 ha (giảm 21 hộ và 4,7 ha so cùng kỳ). Sản lượng thu hoạch được 92 tấn, thấp hơn cùng kỳ 451 tấn. Hiện tại giá muối thấp nên diêm dân tạm trữ lại, tổng lượng muối tồn đến nay là 1.792 tấn, trong đó: lượng muối tồn năm 2017 chuyển sang 1.700 tấn.

f) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Công tác tuyên truyền, vận động: Tổ chức 57 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 534 lượt người. Nâng tổng số đã tổ chức 482 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 19.805 lượt người; công nhận 146.826 hộ (đạt 65,7% số phát động) và 225 ấp (chiếm 32,9%) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ vốn xây dựng nông thôn mới năm 2018 cho các địa phương; kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí đến nay có 29 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 34,11%; 4 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí, chiếm 4,7%; 27 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, chiếm 31,76%; 25 xã đạt từ 5 – 9 tiêu chí, chiếm 29,41%.

- Xây dựng chương trình phối hợp đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2018 – 2020; phối hợp với UBND xã Tập Ngãi chọn địa điểm để triển khai thực hiện mô hình trồng hoa ven lộ cải thiện cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp, góp phần bảo vệ môi trường trong xây dựng NTM.

Chương trình bố trí dân cư:

- Lập hồ sơ báo cáo quyết toán dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông; phối hợp trình UBND tỉnh xem xét phân bổ nguồn vốn để tiếp tục đầu tư các hạng mục còn lại của dự án dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

- Công tác di dời dân: Xây dựng Kế hoạch phối hợp với UBND xã Trường Long Hòa, xã Hiệp Thạnh di dời dân 14 hộ vào vùng dự án. Lập Kế hoạch phối hợp với UBND huyện, xã có dự án bố trí dân cư, rà soát, đánh giá hiện trạng khu vực sạt lở, xác định số hộ dân sạt lở nghiêm trọng cần di dời giai đoạn 2018-2020.

Kinh tế hợp tác: Chuẩn bị sơ kết, đánh giá tình hình phát triển HTX nông nghiệp năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018; chuẩn hóa tài liệu tập huấn kinh tế hợp tác năm 2018; Trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch điều chỉnh Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 02/3/2017 (bổ sung HTX Rạch Lợp theo mô hình

HTX kiểu mới). Trình xin chủ trương dừng triển khai thực hiện phương án cánh đồng lớn giai đoạn 2016-2020 với Công ty Lương thực Trà Vinh; hướng dẫn UBND các xã, HTX trên địa bàn huyện Tiểu Cần về các chính sách cánh đồng lớn và phương án xây dựng cánh đồng lớn.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Lắp đặt cho 1.375 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 109.041 hộ.

3. Tình hình thực hiện tái cơ cấu

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, trong quý có 313 ha chuyển đổi từ lúa kém hiệu quả sang trồng màu và trồng cỏ nuôi bò; trồng mới và cải tạo vườn tạp được 54,5 ha tập trung chủ yếu ở huyện Cầu Kè và Càng Long. Nâng tổng số đến nay chuyển đổi từ năm 2014 đến nay được 12.555 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ngắn ngày, cây ăn trái, trồng dừa và nuôi thủy sản để tăng giá trị trên đơn vị đất canh tác. Trong lĩnh vực nuôi thủy sản có sự chuyển đổi hình thức nuôi từ hình thức nuôi quảng canh sang thâm canh và bán thâm canh khoảng 155 ha và chuyển từ hình thức nuôi thâm canh sang siêu thâm canh khoảng 50 ha.

4. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch

Trình UBND tỉnh phê duyệt rà soát, điều chỉnh, bổ sung 02 Quy hoạch: Quy hoạch vùng nguyên liệu mía và Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Thành lập Hội đồng thẩm định Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp trình UBND tỉnh phê duyệt.

Trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ dự toán 02 quy hoạch: Khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy hoạch vùng sản xuất lúa hữu cơ và được Văn phòng UBND tỉnh phúc đáp tại Công văn số 346/VP-NN ngày 06/3/2018 là tạm dừng, chờ hướng dẫn của Trung ương về thực hiện Luật Quy hoạch.

b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu và giao nhiệm vụ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2018. Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2018, dự thảo Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Kế hoạch chuyển đổi sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh năm 2018 và những năm tiếp theo (đến năm 2020); tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

d) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão

Kết hợp địa phương tổ chức thực hiện được 29 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 13.549 m, khối lượng 42.6400 m³.

Tổ chức 12 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, không phát hiện vi phạm, nâng đến nay tổ chức 42 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các

tuyên đề, phát hiện 01 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

Kết hợp địa phương khảo sát vị trí để xây dựng nhà tránh trú bão cộng đồng tại xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

Do ảnh hưởng của triều cường kết hợp với sóng to, gió lớn làm sụp lún mái kè bảo vệ bờ biển xã Hiệp Thạnh diện tích khoảng 255 m², đang có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn tuyến kè; sụp lún nhiều vị trí trên mặt bờ kè Cồn Trứng diện tích khoảng 750 m² và gây vỡ các bậc tam cấp với chiều dài khoảng 100m và 10 hộ nuôi thủy sản phía ngoài đê Tả sông Cổ Chiên xã Long Hòa, huyện Châu Thành bị bể bờ ao nuôi tôm với diện tích khoảng 75 m², các hộ đã tự khắc phục.

e) Công tác xây dựng cơ bản

Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện của 29 dự án (08 dự án hoàn thành, 19 dự án chuyển tiếp và 02 dự án khởi công mới), gồm: 07 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 13 công trình đê, kè; 09 công trình dân dụng, trong tháng giải ngân 16,5 tỷ đồng, lũy kế đến nay đã giải ngân 18,93 tỷ đồng, đạt 7,8% kế hoạch.

f) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá

Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp: Kiểm tra, đánh giá 22 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông thủy sản, kết quả 19 cơ sở loại A, 03 cơ sở loại B; cấp 08 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 09 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 39 mẫu nông sản thực phẩm để phân tích, kiểm nghiệm giám sát dư lượng chất độc hại. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra 42 cơ sở, kinh doanh thực phẩm nông sản, phát hiện 21 cơ sở vi phạm về thủ tục hành chính; kiểm tra, thẩm định định kỳ 89 cơ sở về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm có 55 cơ sở loại A, 34 cơ sở loại B; cấp 34 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 40 giấy xác nhận kiến thức ATTP; thu 141 mẫu (70 mẫu nông sản, 71 mẫu thủy sản) phân tích, kiểm nghiệm chất lượng phát hiện 03 mẫu không vi phạm (01 mẫu cá khô nhiễm Trichlofon, 01 mẫu lựu nhiễm Natri Benzoat, 01 mẫu cà phê có hàm lượng caffein thấp hơn mức công bố).

Quản lý tàu cá, cảng cá:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 33 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 05 tàu, đăng ký 04 tàu, cấp 08 sổ danh bạ (24 thuyền viên), cấp 21 giấy phép khai thác thủy sản, xoá 03 tàu. Nâng tổng số đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 186 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 53 tàu, đăng ký 59 tàu, cấp 70 sổ danh bạ (317 thuyền viên), cấp 138 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 21 tàu, cấp 04 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.194 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 135.149 CV (293 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

- Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 720 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 2.364 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 111 triệu đồng. Nâng tổng số đã thu dịch vụ sử dụng cảng 2.883 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 5.264 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 235 triệu đồng.

Công tác thanh tra, kiểm tra: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, hoạt động giết mổ, vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn

chăn nuôi, bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản đối với 107 cơ sở, phương tiện vận chuyển, thu 14 mẫu (13 mẫu thức ăn thủy sản, 01 mẫu thuốc thú y thủy sản) để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ra quyết định xử phạt 10 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay đã thanh tra 220 lượt cơ sở, phương tiện, thu 23 mẫu vật tư nông nghiệp để kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 19 trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống

Hiện đang trong giai đoạn ương giống được 14 ngày thực hiện đề tài Xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn thích ứng biến đổi khí hậu.

Tổ chức được 12 lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất lúa giảm lượng giống gieo sạ và chương trình cùng nông dân bảo vệ môi trường có 442 nông dân tham dự. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 32 cuộc tập huấn có 1.627 lượt nông dân dự; tư vấn trực tiếp cho 167 lượt hộ về cải tạo ao, xử lý nước, chọn và thả giống, kỹ thuật nuôi tôm 2 giai đoạn; tổ chức hội thảo tổng kết đánh giá 03 mô hình (nuôi cá thát lát cườm kết hợp cá tra; nuôi cua luân canh trong ao tôm sú, tôm thẻ; phục tráng và chọn giống đậu phộng). Tiếp tục theo dõi 13 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp. Đã hoàn thành việc chọn hộ tham gia dự án Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao (quy mô 80 con bò sinh sản) và dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao (quy mô 20 ha).

Xây dựng và ban hành 07 hướng dẫn quy trình kỹ thuật nuôi cá lóc, tôm sú và tôm thẻ chân trắng, cua biển, tôm càng xanh, nghêu, cá tra và nuôi tôm nước lợ siêu thâm canh, công nghệ cao. Đồng thời, đang soạn thảo lại định mức kinh tế kỹ thuật và hướng dẫn qui trình kỹ thuật các loại cây trồng và chăn nuôi chủ lực theo Nghị quyết số 17-NQ/TU của Tỉnh ủy.

Công tác giống:

- Giống cây trồng: Vụ Đông Xuân 2018 sản xuất 8,9 ha lúa giống (cấp nguyên chủng 5 ha) đang giai đoạn trổ, chín; cung ứng 4,43 tấn lúa giống xác nhận 1 và 638 cây giống các loại; tiếp tục theo dõi, chăm sóc mô hình trồng bưởi da xanh (S1) tạo nguồn cây đầu dòng.

- Giống thủy sản: Tiếp tục chăm sóc 150 con tôm càng xanh bố mẹ và 328 con tôm cái và đàn cá tra, cá lóc bố mẹ; sản xuất, cung ứng và điều tiết 3,67 triệu con tôm thẻ chân trắng, 2,7 triệu con post tôm sú, hơn 1,7 triệu con post tôm càng xanh toàn đực, 10 triệu con cá tra bột, 740 ngàn con cua biển giống và 100 kg cá các loại.

- Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc đàn gà tàu vàng (dòng bố mẹ) thả vườn sinh sản được 6,5 tháng tuổi, tỷ lệ đẻ đạt 42%.

5. Tình hình thực hiện chính sách

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Triển khai thực hiện nguồn vốn năm 2017 chuyển sang và kết dư của năm 2016 là 14,69 tỷ đồng (vốn năm 2017 là 13,856 tỷ đồng) hỗ trợ đầu tư

293 công trình khí sinh học và 471 liều tinh. Nâng tổng số đến nay đã hỗ trợ mua 36 con heo, bò đực giống, xây dựng 5.443 công trình khí sinh học, 2.924 liều tinh, 50 bình nitơ, đào tạo 28 dẫn tinh viên, giải ngân 28,55 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch vốn phân bổ.

Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg: Các tổ chức tín dụng giải quyết cho 70 hộ vay mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch với tổng dư nợ khoảng 18 tỷ đồng.

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP: Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn và theo dõi hỗ trợ 06 doanh nghiệp có dự án chưa đạt yêu cầu đề nghị điều chỉnh, bổ sung hồ sơ.

Chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai và lập hồ sơ triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất lúa, với tổng vốn phân bổ trong năm là 84,235 tỷ đồng.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Công ty lương thực Trà Vinh xin ngừng thực hiện phương án, ngành đang phối hợp với địa phương kiểm tra báo cáo tình hình thực hiện Phương án của Công ty. Đồng thời, hướng dẫn hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng phương án xây dựng cánh đồng lớn.

Chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg và sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 39/2011/QĐ-TTg: Sở Nông nghiệp và PTNT đang trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán năm 2018 với tổng số tiền là 6,6 tỷ đồng.

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg: Đang xây dựng kế hoạch để tổ chức 33 lớp đào tạo nghề cho 990 lao động nông thôn, với kinh phí 02 tỷ đồng.

Chính sách hỗ trợ, phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg: Đến nay, có 64 cán bộ trẻ chuyên ngành phù hợp về làm việc có thời hạn tại 29 hợp tác xã nông nghiệp, kinh phí hỗ trợ trên 160 triệu và có 40 HTX nông nghiệp được giải ngân kinh phí hỗ trợ thành lập mới HTX.

Chính sách về hợp tác xã kiểu mới Quyết định 445/QĐ-TTg: Kết quả 01 HTX đạt 7/8 tiêu chí; có 09 HTX đạt 6/8 tiêu chí; 02 HTX đạt 5/8 tiêu chí; 01 HTX đạt 2/6 tiêu chí, kinh phí thực hiện 1,3 tỷ đồng.

Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Đã phân bổ cho các địa phương 19 tỷ đồng để triển khai thực hiện, đã giải ngân được 1,5 tỷ đồng, các địa phương đang tiếp tục giải ngân vốn còn lại.

Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ cho Hợp tác xã nông nghiệp Rạch Lọp (Tiểu Cần), Hợp tác xã nông nghiệp Nhị Trường (Cầu Ngang) và Hợp tác xã nông nghiệp Huyện Hội (Càng Long) về đầu tư cơ sở hạ tầng. Mặc dù, được tiếp cận các chính

sách nhưng HTX không đủ kinh phí hoặc tài sản để đối ứng thực hiện công trình theo quy định.

6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp nông thôn còn chậm, chưa có đột phá, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế, một số địa phương còn nặng về cây lúa. Triển khai xây dựng các mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm diện tích còn ít.

Việc quản lý lịch thời vụ của các địa phương không chặt chẽ, tiến độ xuống giống lúa vụ Đông xuân chậm và kéo dài hơn so với lịch thời vụ khoảng 30 ngày và có khả năng vụ Hè thu xuống giống trễ gây khó khăn cho việc vận hành công điều tiết nước phục vụ sản xuất.

Việc chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác có hiệu quả cao hơn còn ít, chưa đạt kế hoạch đề ra, do nông dân có tập quán trồng lúa, trồng màu khó tiêu thụ, không tồn trữ được lâu, giá cả bấp bênh.

Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp nông thôn còn chậm, hiệu quả chưa cao nên chưa tạo được động lực thúc đẩy nông nghiệp nông thôn phát triển.

Chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế và bất cập. Các mô hình có hiệu quả nhân rộng còn thấp.

Bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng trên tôm nuôi có xảy ra rải rác, cục bộ ở một số địa phương làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển nuôi tôm nước lợ của tỉnh. Nguyên nhân do công tác phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi chưa được quan tâm đúng mức, hộ nuôi chưa có ý thức cao trong công tác phòng chống dịch bệnh trước điều kiện thời tiết biến động bất thường như hiện nay.

Xây dựng nông thôn mới chưa đạt kế hoạch, chất lượng các tiêu chí chưa được nâng lên, tỷ lệ hộ, ấp nông thôn mới còn thấp, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến, báo cáo trong ngành chưa được thực hiện tốt, thiếu kịp thời

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC QUÝ II NĂM 2018

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

Phần đầu giá trị sản xuất đạt thêm 7.128 tỷ đồng (giá so sánh 2010), trong đó: Nông nghiệp 5.392 tỷ đồng (trồng trọt 4.222 tỷ đồng, chăn nuôi 572 tỷ đồng, dịch vụ 597 tỷ đồng); lâm nghiệp 109 tỷ đồng; thủy sản 1.628 tỷ đồng (khai thác hải sản 232 tỷ đồng, khai thác nội đồng 72 tỷ đồng, nuôi trồng thủy sản 1.316 tỷ đồng, dịch vụ 7,3 tỷ đồng). Lũy kế 6 tháng đầu năm 12.075 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch.

Sản lượng cây trồng chủ yếu: Lúa 385.500 tấn; màu lương thực 27.500 tấn; màu thực phẩm 175.000 tấn; mía 170.200 tấn; đậu phộng 12.900 tấn; dừa 74.800 tấn; cây ăn trái 59.800 tấn.

Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu: Ổn định tổng đàn trâu, bò 209.000 con; đàn heo tăng thêm 15.000 con và giữ ổn định đàn gia cầm 4,5 triệu con.

Sản lượng thủy sản: 58.000 tấn (14.800 tấn tôm), trong đó: Nuôi trồng 42.700 tấn; khai thác 15.300 tấn.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt

Cây lúa: Tiếp tục theo dõi, cập nhật tình hình thu hoạch lúa vụ Đông Xuân; tập trung chỉ đạo xuống giống vụ lúa Hè Thu 2018 dứt điểm vào ngày 30/5/2018 theo khung lịch thời vụ khuyến cáo, theo dõi, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh có hiệu quả. Tăng cường công tác dự tính, dự báo và xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh để kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tập trung hướng dẫn nông dân theo dõi, chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân và xuống giống màu Xuân Hè. Tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện, tập trung phát triển một số cây chủ lực như: bắp, đậu phộng, bí đỏ, ớt, các loại rau màu thực phẩm...

Cây lâu năm: Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi và triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống tình hình sâu bệnh trên cây ăn trái như bệnh đốm nâu trên cây thanh long, ruồi đục trái trên cây có múi, bệnh chổi rồng trên nhãn, bọ cánh cứng hại dứa. Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao.

b) Chăn nuôi

Huy động lực lượng chuyên môn phối hợp chính quyền địa phương rà soát thống kê tổng đàn gia cầm quy mô lớn và vận động hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm cam kết thực hiện những quy định trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

Tập trung vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm dứt điểm trong tháng 5 để bảo hộ cho đàn vật nuôi trong thời điểm giao mùa, đặc biệt là cúm gia cầm và LMLM gia súc, đồng thời thực hiện dứt điểm “Tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi” đợt 1 trong tháng 4.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các dự án thuộc Chương trình Heifer.

c) Thủy sản

Tổ chức Lễ kỷ niệm ngày truyền thống nghề cá 01/4; tiếp tục Hoàn chỉnh kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Quyết định ban hành kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025; tuyên truyền phổ biến quy trình nuôi tôm siêu thâm canh cho chính quyền địa phương cấp xã và cấp huyện; phối hợp địa phương giám sát, quản lý môi trường trong hoạt động nuôi tôm siêu thâm canh; tiếp tục tăng cường cán bộ kỹ thuật bám sát địa bàn

các xã nuôi thủy sản nhằm hướng dẫn nông dân thả giống theo lịch thời vụ (theo Thông báo số 548/TB-SNN ngày 31/10/2017 về lịch thả nuôi một số đối tượng thủy sản mùa vụ 2017-2018) và phòng chống dịch bệnh; thực hiện quan trắc cảnh báo môi trường nước để có những khuyến cáo kịp thời cho người nuôi; thực hiện kế hoạch tập huấn Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP), tuyên truyền phổ biến pháp luật trong nuôi trồng thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tổ chức rà soát, thành lập mới, củng cố hoạt động của tổ đội khai thác thủy sản trên biển.

d) Lâm nghiệp

Hoàn thành công tác vệ sinh và tổ chức nghiệm thu phúc tra vệ sinh PCCC rừng theo đúng quy định. Đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy chữa cháy rừng. Tiếp tục chăm sóc cây giống đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn để triển khai trồng rừng phòng hộ thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ giai đoạn 2015-2020 và trồng rừng thay thế. Hoàn chỉnh dự án triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển rừng bền vững giai đoạn 2016 – 2020. Triển khai công tác thiết kế trồng rừng, chuẩn bị mặt bằng, xây dựng dự toán thi công công trình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2018. Hoàn chỉnh bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật một số loài cây trồng rừng phòng hộ.

đ) Phát triển nông thôn

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình MTQG nông thôn mới năm 2018; tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới của 11 xã dự kiến đạt chuẩn năm 2018; hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và đầu tư phát triển; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới.

+ Phối hợp với UBND huyện Tiểu Cần và UBND thị xã Duyên Hải triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng huyện nông thôn mới phần đầu đạt chuẩn vào cuối quý II/2018.

+ Tham mưu hoàn chỉnh Đề án phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực.

- Chương trình bố trí dân cư: Trình Sở Tài chính thẩm định hồ sơ quyết toán hoàn thành Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông. Phối hợp với UBND thị xã Duyên Hải, xã Trường Long Hòa phê duyệt danh sách di dời các hộ dân; rà soát, tổng hợp số hộ dân sạt lở nghiêm trọng cần di dời giai đoạn 2018-2020 và xác định các dự án cấp bách đầu tư giai đoạn 2018-2020.

- Kinh tế hợp tác: Theo dõi và đánh giá tình hình hoạt động của các HTX kiểu mới. Tổ chức giải ngân nguồn vốn hỗ trợ xây dựng HTX kiểu mới (1,3 tỷ đồng); hỗ trợ các HTX trên địa bàn huyện Tiểu Cần xây dựng chủ trương và phương án thực hiện cánh đồng lớn sản xuất lúa. Chuẩn hóa tài liệu tập huấn và triển khai kế hoạch tập huấn kinh tế hợp tác năm 2018.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch nông thôn và lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 2.700 hộ.

2. Công tác chuyên môn

- Công tác quy hoạch: Hoàn chỉnh trình phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh, đồng thời tổ chức công bố 02 quy hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Đẩy mạnh việc phối kết hợp với các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương và của tỉnh đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, cụ thể: Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP; chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND...tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi tôm siêu thâm canh và điều chỉnh, bổ sung một số chính sách của Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND.

- Công tác khoa học kỹ thuật: Tiếp tục thực hiện đề tài Xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn thích ứng biến đổi khí hậu. Tiến hành bàn giao bò giống và xuống giống cam theo Chương trình Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025. Hoàn chỉnh, trình phê duyệt Chương trình khuyến nông trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 90 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật và phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; tổ chức triển khai và theo dõi các mô hình đang thực hiện thuộc các nguồn vốn và các chương trình kết hợp; ban hành hướng dẫn quy trình kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực; tham mưu trình UBND tỉnh bổ sung định mức kinh tế, kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi.

- Theo dõi nắm sát tình diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, nguồn nước, xâm nhập mặn, đồng thời đôn đốc các địa phương triển khai thi công và đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thủy lợi nội đồng và hoàn thành công trình duy tu, bảo dưỡng đề điều năm 2018 nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai và Phương án ứng phó sự cố thiên tai năm 2018.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký; tiếp tục lựa chọn các sản phẩm đặc thù, chủ lực của tỉnh tham gia chương trình “Nông nghiệp sạch cho người Việt Nam, cho Thế giới” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết hợp Đài Truyền hình Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức.

- Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu thuộc nguồn vốn phân bổ 2018 và vốn kết dư từ 2017 chuyển sang. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2018.

- Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống, vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm; tổ chức 12 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, buôn bán gỗ và các lâm sản khác.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2018.

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm tháng 4

a) Trồng trọt

- Cây lúa: Vận động nông dân cày ải ở những nơi có điều kiện và vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu theo khung lịch thời vụ; hướng dẫn nông dân chăm sóc không để xảy ra thiệt hại đầu vụ do xì phèn, khô hạn.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Chỉ đạo hướng dẫn nông dân xuống giống cây màu vụ Xuân Hè ở những vùng có điều kiện, hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh gây hại như sâu tơ, sâu xanh, bệnh thán thư, bệnh cháy dây,...Đẩy mạnh triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND.

b) Chăn nuôi: Tập thực hiện trung tháng tiêu độc khử trùng và vận động hộ dân tự tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; giám sát tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi nhất là trong thời điểm giao mùa; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các Dự án trong Chương trình Heifer.

c) Thủy sản: Khuyến cáo người nuôi tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường, dịch bệnh, độ mặn thích hợp thì thả nuôi theo hình thức thâm canh và bán thâm canh; tăng cường cán bộ chuyên môn của đơn vị xuống địa bàn các xã để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân nuôi trồng thủy sản ở các huyện ven biển. Thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh và thông báo để nông dân quản lý ao nuôi. Triển khai thực hiện chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP và tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi tôm siêu thâm canh.

d) Lâm nghiệp: Đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy chữa cháy rừng; tổ chức nghiệm thu công tác vệ sinh phòng cháy rừng. Hoàn chỉnh dự án triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển rừng bền vững

giai đoạn 2016 – 2020. Tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, tuần tra kiểm soát lâm sản, quản lý động vật hoang dã, kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm.

đ) Phát triển nông thôn: Tham mưu UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng cao) để triển khai xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 – 2020.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác tháng 3, quý I và kế hoạch công tác tháng 4, quý II năm 2018 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị, phòng, ban thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: *VT*, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải

THÔNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP, THỦY SẢN THÁNG 3 VÀ QUÝ I/2018

(Tính đến ngày 15/3/2018)



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý I/2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
	Giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tỷ đồng	4.684	24.927	-	4.707	100,50%	18,88%
a	Giá trị SX nông nghiệp	"	3.516	17.367	-	3.527	100,33%	20,31%
	- Trồng trọt	"	2.324	12.450		2.329	100,24%	18,71%
	- Chăn nuôi	"	974	3.300		975	100,10%	29,55%
	- Dịch vụ	"	218	1.617		223	102,29%	13,79%
b	Giá trị lâm nghiệp	"	62	240		63	100,87%	26,25%
c	Giá trị sản xuất thủy sản	"	1.106	7.320	-	1.117	101,03%	15,26%
	- Khai thác hải sản	"	327	980		333	101,72%	33,94%
	- Khai thác nội đồng	"	124	460		107	86,04%	23,22%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	650	5.850		673	103,49%	11,50%
	- Dịch vụ thủy sản	"	4	30		5	109,07%	15,67%
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	84.568	272.050	6.539	89.690	106,06%	32,97%
1.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	65.619	221.650	576	69.841	106,43%	31,51%
	- Cây lúa	Ha	63.788	216.650	34	68.115	106,78%	31,44%
	- Sản lượng	Tấn	162.915	1.153.000	84.777	90.290	55,42%	7,83%
	Trong đó							
	Vụ mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.367	1.650		1.697	71,70%	102,85%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.367	1.650	407	1.697	71,70%	102,85%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	45,23	42,42	45,20	43,33	95,80%	102,13%
	- Sản lượng	tấn	10.705	7.000	1.840	7.353	68,69%	105,04%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	59.915	60.000	33,6	66.418	110,85%	110,70%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	28.660	60.000	14.232	14.232	49,66%	23,72%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,11	60,50	58,28	58,28	109,73%	96,33%
	- Sản lượng	tấn	152.211	363.000	82.937	82.937	54,49%	22,85%
	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha	1.506	77.000				0,00%
	- Năng suất	Tạ/ha		51,04				
	- Sản lượng	tấn		393.000				
	Vụ Thu đông							
	- Diện tích	Ha		78.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		50,00				
	- Sản lượng	tấn		390.000				
	Cây màu	Ha	20.779	55.400	6.506	21.576	103,83%	38,95%
			468.736	1.416.600	394.404	418.648	89,31%	29,55%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.830	5.000	542	1.726	94,32%	34,53%
	- Diện tích thu hoạch	"	960	5.000	696	752	78,33%	15,04%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,5	54,0	56,3	56,1	101,08%	103,89%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý I/2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
1.2.	- Sản lượng	Tấn	5.328	27.000	3.916	4.219	79,18%	15,62%
	Cây có củ	Ha	921	2.750	443	911	98,89%	33,13%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	484,87	1.200	286	478	98,62%	39,85%
	+ Diện tích thu hoạch	"	146	1.200	143	150	102,74%	12,50%
	+ Năng suất	Tạ/ha	158,0	158,3	161,8	161,5	102,22%	102,00%
	+ Sản lượng	Tấn	2.307	19.000	2.314	2.423	105,02%	12,75%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	273,74	950	94	256	93,37%	26,91%
	+ Diện tích thu hoạch	"	75	950	60,9	63	84,00%	6,63%
	+ Năng suất	Tạ/ha	156,4	157,9	158,1	157,9	100,97%	100,00%
	+ Sản lượng	Tấn	1.173	15.000	962,7	995	84,82%	6,63%
	Cây có củ khác							
+ Diện tích gieo trồng	Ha	162,78	600	63	177	108,94%	29,56%	
+ Diện tích thu hoạch	"	85,0	600	80,0	80	94,12%	13,33%	
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	11.945	30.750	1.983	11.147	93,32%	36,25%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	11.684	30.000	1.870	10.915	93,42%	36,38%
	+ Diện tích thu hoạch	"	7.804	30.000	6.510	7.560	96,88%	25,20%
	+ Năng suất	Tạ/ha	217,2	228,0	228,7	228,4	105,16%	100,18%
	+ Sản lượng	Tấn	169.493	684.000	148.870	172.670	101,87%	25,24%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	262	750	113	232	88,57%	30,89%
	+ Diện tích thu hoạch	"	64	750	55	55	85,94%	7,33%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,1	17,3	18,2	18,2	100,44%	105,00%
	+ Sản lượng	Tấn	116	1.300	100	100	86,32%	7,70%
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		6.083	13.300	2.309	5.859	96,33%	44,05%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.058	5.200	1.008	3.335	109,05%	64,14%
	+ Diện tích thu hoạch	"	925	5.200	975	975	105,46%	18,75%
	+ Năng suất	Tạ/ha	51,80	51,54	53,86	53,86	103,98%	104,50%
	+ Sản lượng	Tấn	4.789	26.800	5.251	5.251	109,66%	19,59%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	2.062	5.600	1.071	1.594	77,33%	28,47%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.636	5.600	2.065	2.065	78,32%	36,88%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.078	1.100	1.120	1.120	103,90%	101,82%
	+ Sản lượng	Tấn	284.210	616.000	231.280	231.280	81,38%	37,55%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	962	2.500	229	929	96,60%	37,18%
	+ Diện tích thu hoạch	"	120	2.500	150	150	125,00%	6,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	110,0	110,0	114,0	114,0	103,64%	103,64%
	+ Sản lượng	Tấn	1.320	27.500	1.710	1.710	129,55%	6,22%
1.5	Cây trồng khác	"						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	933	3.600	1.228	1.932	207,08%	53,67%
	+ Diện tích thu hoạch	"	216	3.600	206	206	95,37%	5,72%
2	Cây lâu năm dừa	tấn	63.722	260.000		77.175	121,11%	29,68%
3	Cây ăn quả	tấn	85.162	243.000		85.200	100,04%	35,06%
II	CHĂN NUÔI							
	- Tổng đàn trâu	con	752	700		648	86,17%	92,57%
	- Tổng đàn bò	con	201.220	210.000		208.450	103,99%	99,26%



STT	ĐVT	Quý I/2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2018	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
	- Tổng đàn lợn	con	372.712	350.000	315.200	84,57%	90,06%	
	- Tổng đàn gia cầm	ngàn con	4.413	4.500	4.596	104,15%	102,14%	
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		350				
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		500				
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		5.354				
	- Cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		50				
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	16.100	52.000	3.671	12.648	78,56%	24,32%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	466,2	3.500	88,6	284,6	61,04%	8,13%
	- Diện tích nuôi cá	"	296,87	2.000	88,56	257	86,42%	12,83%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	1,05	50	3,30	4	364,76%	7,66%
	Cá lóc	"	96,92	270	13,16	47	48,46%	17,40%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	169,30	1.500	-	28	16,54%	1,87%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	169,30	1.500	-	28	16,54%	1,87%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	15.634	48.500	3.583	12.364	79,08%	25,49%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	15.549	47.500	3.583	12.364	79,52%	26,03%
	Trong đó: + Tôm sú	"	13.014	22.000	2.912	10.701	82,23%	48,64%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.508	7.500	668	1.465	97,14%	19,53%
	+ Cua biển	"	1.027	18.000	3	198	19,29%	1,10%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	85	1.000			0,00%	0,00%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	30.179	201.600	10.617	30.916	102,44%	15,34%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	15.098	126.900	5.630	14.451	95,71%	11,39%
2.1.2	Nuôi nước ngọt	Tấn	11.237	71.300	3.348	9.164	81,55%	12,85%
	- Sản lượng cá	"	10.773	70.000	3.127	8.673	80,50%	12,39%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	2.861	23.500	824	931	32,55%	3,96%
	Cá lóc	"	5.153	30.000	1.557	5.089	98,75%	16,96%
	Tôm càng xanh	"	464	1.300	221	491	105,89%	37,77%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.3	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	3.861	55.600	2.282	5.287	136,93%	9,51%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	- Sản lượng giáp xác	"	3.493	52.500	2.241	5.161	147,73%	9,83%
	Trong đó: + Tôm sú	"	769	11.800	416	974	126,67%	8,25%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	2.024	33.500	1.674	3.731	184,39%	11,14%
	+ Nuôi cua biển	"	701	7.200	152	456	65,00%	6,33%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	368	3.100	40	127	34,38%	4,08%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	15.081	74.700	4.987	16.466	109,18%	22,04%
2.2.1	Khai thác biển	"	12.761	63.100	4.348	13.962	109,40%	22,13%
	+ Cá các loại	"	6.054	26.000	1.777	6.180	102,08%	23,77%
	+ Tôm các loại	"	1.628	8.100	594	2.018	123,95%	24,92%
	+ Thủy sản khác	"	5.079	29.000	1.977	5.763	113,48%	19,87%
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	2.320	11.600	639	2.504	107,95%	21,59%
	+ Cá các loại	"	1.210	5.500	346	1.182	97,69%	21,49%
	+ Tôm các loại	"	774	3.500	185	997	128,89%	28,49%
	+ Thủy sản khác	"	336	2.600	109	325	96,67%	12,49%